

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/DS-ST
Ngày: 14-8-2020
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Thức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Kim Tuyên;
2. Ông Lâm Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 239/2018/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2018, về tranh chấp hợp đồng dịch vụ, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2020/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Hợp tác xã L.

Địa chỉ: tổ 20, ấp L, xã A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trí M, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp L, xã A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền là Ông Bùi Văn H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp L, xã A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, có mặt.

Bị đơn: Bà Phan Thị Kh, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp L, xã A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phan Văn H, sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp L, xã A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt (Có đơn xin vắng mặt).

Người làm chứng:

Huỳnh Duy K, sinh năm 1972;

Lê Văn Th, sinh năm 1963;

Ngô Văn T, sinh năm 1977;

Phan Văn L, sinh năm 1968 ;

Võ Văn Th, sinh năm 1968;

Phan Tấn B, sinh năm 1965;

Lê Văn Ph, sinh năm 1973;

Cùng địa chỉ: ấp L, xã A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Võ Xuân K, sinh năm 1978;

Trương Hùng T, sinh năm 1966;
Cùng địa chỉ: ấp L, xã A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.
Lê Văn G, sinh năm 1960.
Địa chỉ: ấp L, xã A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.
(Các người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/7/2018, trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo pháp luật là ông Trương Hoàng N, đến ngày 02 tháng 7 năm 2020, Hợp tác xã L đã thay đổi người đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã L là ông Nguyễn Trí M, do ông Bùi Văn H đại diện trình bày: Vụ Hè – Thu năm 2016 bà Kh hợp đồng với Hợp tác xã L tưới tiêu 18 công đất lúa (18.000m²), trong đó có 12.000m² giá 165.000đ/1.000m², còn lại 6.000m² giá 115.000đ/1.000m². Kết thúc mùa vụ bà Kh chỉ nộp thủy lợi phí của 12.000m², còn lại 6.000m² giá thủy lợi phí 115.000đ/1.000m² bà Kh không nộp cho Hợp tác xã. Vụ Đông – Xuân năm 2017 và năm 2018 bà Kh tiếp tục hợp đồng tưới tiêu 18.000m², giá như trên nhưng xong mùa vụ bà Kh không nộp thủy lợi phí cho Hợp tác xã. Trong đơn khởi kiện, Hợp tác xã Long Khánh yêu cầu bà Phan Thị Kh thanh toán 3.521.000đ và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng sử dụng dịch vụ số: 01/2017/HĐ.HTX ngày 17 tháng 10 năm 2017 đến khi giải quyết xong vụ án. Tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu bà Phan Thị Kh thanh toán 3.360.000đ tiền thủy lợi phí, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn, bà Phan Thị Kh trình bày: Bà có canh tác diện tích 18.000m² có phần 1.000m² bị thiệt hại. Trong đó phần diện tích đất của bà là 6.000m², phần đất của Phan Văn Huy là 12.000m² do bà thuê để canh tác với giá do bà làm vụ mùa trúng hay thất để đưa cho H, không có giá cụ thể, không có làm hợp đồng, chỉ nói miệng. Hợp tác xã có thu phí lúa nước 18.000m² không bỏ ra phần đất nào cả. Nay bà yêu cầu Hợp tác xã L có trách nhiệm bồi thường cho bà số tiền 8.767.500 đồng, không yêu cầu tính lãi. Đối với yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã, bà thống nhất thanh toán chi phí cho Hợp tác xã số tiền 3.360.000đ với điều kiện Hợp tác xã phải bồi thường thiệt hại cho bà để bù trừ nghĩa vụ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Văn H trình bày: Ông là em ruột của bà Phan Thị Kh, diện tích đất bà Kh canh tác tại ấp L, xã A là do ông thừa hưởng của cha mẹ để lại, diện tích khoảng 15 công điền (Một công là 1.000m²). Ông bận làm việc nên ông không thể trực tiếp canh tác diện tích đất này, vì vậy ông cho bà Kh thuê với giá 2.000.000đ/công, cuối năm bà Kh sẽ đưa tiền cho ông một lần, nhưng có khi bà Kh đưa, có khi bà Kh không đưa, ông cũng không có ý kiến. Danh sách hợp dân thì ông không có dự nên không có ký tên vào danh sách hợp dân. Đối với việc đóng tiền thủy lợi phí thì ông không có nộp tiền lần nào, tên ông là do Hợp tác xã ghi chứ ông không biết. Ông cho thuê thì ai canh tác sẽ chịu trách nhiệm chịu các phí liên quan đến diện tích đất canh tác.

Người làm chứng Phan Tấn B trình bày: Thời gian ông D đến khảo sát theo yêu cầu của bà Kh là Trưởng ấp L nên ông D có liên hệ với ông để xác minh sự việc, ngoài ra còn có ông Tiến là Phó giám đốc Hợp tác xã, ông Th là nhân viên

Hợp tác xã và ông K là dân địa phương đến nơi ngập nước xác minh và ông D lập biên bản với nội dung phần đất bà Kh cho rằng bị thiệt hại chỉ ngập nước 30%, tất cả có mặt và ký tên vào biên bản. Sau 04 ngày thì có mời Hợp tác xã và bà Kh đến để làm việc vụ ngập nước có gây thiệt hại hay không nhưng bà Kh không đến. Trước khi ông làm bản khai bà Kh có đến nhờ ông khai có lợi cho bà nhưng ông từ chối.

Người làm chứng Lê Văn G trình bày: Ông không có quan hệ dòng họ với các bên đương sự. Ông có diện tích đất giáp với phần ngập nước của bà Kh. Theo ông biết phần đất của bà Kh canh tác trước đây là cái địa được ông Lợi (Anh bà Kh) san lấp nhưng chưa cao, vẫn còn thấp nhất so với các diện tích đất xung quanh nên dễ bị ngập nước.

Người làm chứng Lê Văn Ph trình bày: Anh không có dòng họ với các bên. Việc thiệt hại của bà Kh anh không biết.

Người làm chứng Huỳnh Duy K trình bày: Anh không có dòng họ với các bên. Anh canh tác diện tích đất giáp với phần ngập nước của bà Kh, thời gian ngập nước không nhớ, khi bị ngập nước thì anh biết cán bộ xã có đến xem xét, diện tích của anh cũng bị ngập như của bà Kh, ít hơn của bà Kh, vì cả hai diện tích thấp nên có nước là ngập ít hay nhiều thôi. Khi anh thấy cán bộ xã vào xem xét thì trời có mưa.

Người làm chứng Võ Xuân K trình bày: Anh có diện tích đất giáp với diện tích đất ngập nước của bà Kh. Thời gian không nhớ, chỉ nhớ khi đoàn xem xét thì có anh vì hầm của anh cũng bị ngập nhưng Hợp tác xã không cho anh xả nước ra vài ngày nên anh đến xem thế nào thì đoàn xem xét khẳng định ngập khoảng 30% phần một công của bà Kh, có mặt anh nên anh có ký tên vào biên bản. Diện tích này là cái địa san lấp nên khi có nước là bị ngập. Thời gian ngập là do có bão và Hợp tác xã vẫn đang rút nước ra.

Người làm chứng Lê Văn Th trình bày: Ông không có dòng họ với các bên, chỉ có vợ ông có dòng họ với bà Kh. Vào lúc bà Kh bị ngập nước thì bà Kh có xạ lúa, việc ngập nước cũng có vì đất bà Kh thấp nhất. Ông thuê cặp đất ngập nước của bà Kh 05 công. Phần chi phí bỏ ra từ khi canh tác đến khi thu hoạch mỗi vụ khoảng 800.000đ đến 1.000.000đ/công.

Người làm chứng Ngô Văn T trình bày: Anh không có dòng họ với các bên. Thời gian bà Kh báo ngập nước thì anh có mặt tại đất vì anh làm đất gần đó, cách đất bà Kh là đất ông Thúng. Khi đoàn vào xác minh thì anh nghe nói lại vì anh có mặt trước khi đoàn xác minh nên không có ký tên vào biên bản, khi liên quan đến bồi thường thì bà Kh không đồng ý. Đất của bà Kh có thu tiền lúa nước nên bà Kh yêu cầu bồi thường.

Người làm chứng Phan Văn L trình bày: Ông là anh ruột của bà Kh. Sau thời gian tranh chấp của anh em đã phân chia cho ông 10.000m² còn lại của H và Kh khoảng hơn 20.000m². Thời gian cha mẹ còn sống không tranh chấp thì ông là người trực tiếp canh tác, trong tổng diện tích đất có cái địa hơn một công nhưng không có đo đạc. Khi ông canh tác đã san lấp cái địa trước năm 2000 nên phần cái địa lúc nào cũng thấp hơn phần còn lại, khi mùa lũ về sẽ bị ngập nên ông có đem lúa ra cấy nếu thu hoạch được thì lấy, không thì bỏ. Thời gian ông canh tác chưa có Hợp tác xã mà do tư nhân bơm nước, đây là diện tích ngoài phần

bơm nước nên không có thu tiền lúa nước.

Người làm chứng Trương Hùng T trình bày: Khi sự việc xảy ra thì ông là Phó giám đốc Hợp tác xã. Khi anh D đến liên hệ vì bà Kh báo có ngập úng, khi đó có ông Bình Trưởng ấp, ông Th là người dẫn nước và người giáp ranh là ông K. Sau khi khảo sát xong thì đoàn khảo sát thống nhất kết luận diện tích đất bà Kh bị ngập khoảng 30% và đây là cái địa san lấp, ông Dải lập biên bản bà Kh tự động bỏ về, không đồng ý ký tên, nước lúc này có ngập nhưng Hợp tác xã vẫn đang rút nước ra nên chưa có thiệt hại, phần đất ông Khánh như của bà Kh nhưng không ai khiếu nại vì phần này không đóng phí cho Hợp tác xã.

Người làm chứng Võ Văn Th trình bày: Ông là tổ trưởng tổ dẫn nước. Vào cuối năm 2017, không nhớ ngày tháng ông cùng ông T, ông B, Ông D và ông K đến phần ngập nước của đất bà Kh khảo sát thiệt hại. sau quá trình khảo sát thì ông Dải thông báo chỉ ngập khoảng 30%. Đoàn xem xét hẹn sau 03 ngày sẽ lên xem xét mức độ thiệt hại vì nước vẫn đang xả đi, khi lập biên bản có ông và ông có ký tên vào biên bản. 3 ngày sau đoàn xem xét có xem xét thiệt hại hay không thì ông không biết vì không có ông. Phần ngập nước là cái địa san lấp nên thấp và luôn bị ngập nước khi có nước nên Hợp tác xã không thu phí.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hợp tác xã L, buộc bà Phan Thị Kh có trách nhiệm thanh toán tiền thủy lợi phí cho Hợp tác xã Long Khánh với số tiền 3.360.000đ. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Phan Thị Kh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về áp dụng pháp luật: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Văn H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nhưng có đơn xin vắng mặt nên tiếp tục xét xử vụ án phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227. Các người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất, nhưng việc vắng mặt của người làm chứng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án vì những người làm chứng có lời khai trong hồ sơ vụ án nên tiếp tục giải quyết vụ án phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” được quy định tại Điều 513 Bộ luật dân sự. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1 Nguyên đơn Hợp tác xã L (Gọi tắt là Hợp tác xã) yêu cầu bà Phan Thị Kh thanh toán 3.521.000đ và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng sử dụng dịch vụ số: 01/2017/HĐ.HTX ngày 17 tháng 10 năm 2017 đến khi giải quyết xong vụ án. Tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu bà Phan Thị Kh thanh toán 3.360.000đ tiền thủy lợi phí, không yêu cầu tính lãi,

không vượt quá giới hạn khởi kiện ban đầu và hoàn toàn tự nguyện nên chấp nhận việc thay đổi yêu cầu của Hợp tác xã và Hợp tác xã yêu cầu bà Phan Thị Kh thanh toán 3.360.000đ tiền thủy lợi phí có cơ sở chấp nhận vì: Bà Phan Thị Kh thừa nhận việc bà chưa nộp tiền thủy lợi phí cho Hợp tác xã số tiền 3.360.000đ và bà chấp nhận trả cho Hợp tác xã số tiền này với điều kiện Hợp tác xã phải bồi thường thiệt hại cho bà để bù trừ nghĩa vụ, điều này thể hiện bà Kh chưa thanh toán đầy đủ tiền thủy lợi phí cho Hợp tác xã nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã là phù hợp.

2.2 Bị đơn Phan Thị Kh có yêu cầu phản tố, yêu cầu Hợp tác xã có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà số tiền 8.767.500 đồng, không yêu cầu tính lãi, chưa đủ cơ sở để chấp nhận vì: Tại thời điểm bà Kh cho rằng bị thiệt hại là do Hợp tác xã bơm nước làm ngập úng và thiệt hại cho diện tích đất của bà, điều này chưa đủ cơ sở vì khi làm việc với người làm chứng thì các người làm chứng, điển hình là người làm chứng Võ Xuân K trình bày thời điểm diện tích đất của bà Kh bị ngập nước là trời mưa chứ không phải Hợp tác xã bơm nước. Tại phiên tòa, bà Kh thừa nhận khi vụ việc ngập nước phần diện tích đất của bà là do có bão. Mặt khác, diện tích đất của bà Kh (Nơi bị ngập nước dẫn đến việc yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà Kh) là thuộc diện tích đất thấp nhất trong tất cả các diện tích đất khác nên lúc nào cũng phải bị ngập nước khi có nước, điều này được chứng minh bằng lời khai của các người làm chứng, cụ thể là người làm chứng là ông Phan Văn L là anh ruột của bà Kh và ông L trình bày trước đây ông là người canh tác các diện tích đất này, nay do bà Kh canh tác, thời gian ông L canh tác diện tích đất này là cái đĩa và ông đã san lấp cho đĩa này cạn dần để có thể canh tác nhưng chưa được cao và cũng chưa canh tác được, chỉ canh tác tự ý, không thu hoạch được thì thôi, điều này được chứng minh vào ngày 27/12/2019 Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, thì diện tích đất của bà Kh (Nơi phát sinh tranh chấp bồi thường thiệt hại) bị ngập hoàn toàn và nguyên nhân ngập nước là do vào ngày 26/12/2019 trời có mưa nên dẫn đến việc ngập nước đất của bà Kh. Đồng thời, thiệt hại bà Kh trình bày có sự mâu thuẫn như tại biên bản lấy lời khai của đương sự Phan Thị Kh vào ngày 27 tháng 6 năm 2019 khai tổng chi phí cho việc trồng lúa đến khi lúa bà bị thiệt hại (Khoảng 10 ngày tuổi) là 1.335.000đ, nhưng khi Tòa án tiến hành hỏi bà Kh dự tính của bà tổng chi phí của 01 công đất cho việc trồng lúa tất cả chi phí bao nhiêu để đến khi thu hoạch thì bà Kh trình bày chi phí cho 01 công đất đến khi thu hoạch khoảng 1.200.000đ, trong khi bà Kh trình bày lúa bà được 10 ngày tuổi thì chi phí bà trình bày là 1.335.000đ. Các lời khai của bà Kh đều có sự mâu thuẫn. Từ những phân tích trên đã có đủ căn cứ chứng minh yêu cầu phản tố của bà Kh chưa đủ cơ sở để chấp nhận nên không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Kh là phù hợp.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Cần áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Do yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã được Tòa án chấp nhận và

phần yêu cầu phản tố của bà Kh không được Tòa án chấp nhận nên bà Phan Thị Kh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của nguyên đơn. Ngoài ra bà Phan Thị Kh có yêu cầu phản tố nhưng không được chấp nhận nên bà Kh còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 229, Điều 238 và khoản 1 Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 468 và Điều 513 Bộ luật dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã L.
2. Buộc bà Phan Thị Kh có nghĩa vụ thanh toán tiền thủy lợi phí cho Hợp tác xã Long Khánh với số tiền 3.360.000đ.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Phan Thị Kh, yêu cầu Hợp tác xã L bồi thường thiệt hại số tiền 8.767.500 đồng.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

5.1 Hợp tác xã L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Hợp tác xã L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: BG/2015 0004121 ngày 13/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

5.2 Bà Phan Thị Kh phải chịu 606.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số: BH/2018/ 0000809 ngày 30/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp, bà Phan Thị Kh còn phải nộp 306.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc

không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Chí Thúc